TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 234/2023/QĐST-HNGĐ	*TP. T, ngày 31 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 311/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Hoả Ngọc C, sinh năm 1985;

2. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Số nhà 17/04 Cầm Bá Thước, phường S, thành phố T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh C và chị D kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà 17/04 Cầm Bá Thước, phường S, thành phố T, tỉnh T. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm. Mỗi người đều có hướng đi riêng mình. Mặc dù gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn không quay lại được với nhau, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay anh C và chị D đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị D thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh C và chị D có ba con chung là cháu Hỏa Nhật M - sinh ngày 13/9/2013; cháu Hỏa Mạnh Đ - sinh ngày 20/6/2016 và cháu Hỏa Đức M1 - sinh ngày 29/12/2020. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: giao hai cháu Nhật M và cháu Mạnh Đ cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đức M1 cho chị D trực tiếp

nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy việc thỏa thuận của anh, chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Anh C và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh chị thỏa thuận chị D chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị nên chấp nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hỏa Ngọc C và chị Nguyễn Thị Thùy D.

- Về con chung: Anh, chị có ba con chung là cháu Hỏa Nhật M - sinh ngày 13/9/2013; cháu Hỏa Mạnh Đ - sinh ngày 20/6/2016 và cháu Hỏa Đức M1 - sinh ngày 29/12/2020. Ly hôn, giao hai cháu Nhật M và cháu Mạnh Đ cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đức M1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C, chị D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị D chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0003018 ngày 12/5/2023, chị D đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP.T;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND phường S, TPTH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh